TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/DS-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Mai C, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1977 và ông Đỗ Hữu H, sinh năm 1976; cùng hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2017; biên bản hòa giải ngày 08/3/2017 và ngày 27/3/2017 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Trần Mai C) thể hiện:***

Ngày 01/12/2016 bị đơn bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H có đến nhà nguyên đơn bà C vay số tiền 135.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Việc vay mượn hai bên có lập giấy tờ tay, bị đơn ký tên, ghi họ tên dưới giấy vay tiền và cam kết ngày 10/02/2017 sẽ trả lại số tiền trên cho nguyên đơn. Khi đến hạn trả tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay nhưng bị đơn cứ hẹn lần, hẹn lượt cho đến nay không trả. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 135.000.000 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn (bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H):***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện D đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà T, ông H tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do . Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình xác minh , bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa :*** Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản". Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Tại phiên tòa , phía bị đơn bà T, ông H vắng mặt không lý do . Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng , Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn t hực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án . Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách của người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2017, nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T, ông H thanh toán số tiền vay 135.000.000 đồng thể hiện tại "Giấy vay tiền" đề ngày 01/12/2016 có chữ ký của bị đơn bà T, ông H. Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ giao dịch với nhau về việc vay tiền theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng D ân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là "Giấy vay tiền" lập ngày 01/12/2016 có chữ ký của bị đơn thể hiện bị đơn có thiếu của nguyên đơn số tiền 135.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do nên

ngày 18/5/2017, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết họ tên của bị đơn bà T, ông H trong "Giấy vay tiền" đề ngày 01/12/2016. Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 05/2017/QĐ-TCGĐ ngày 16/6/2017 giám định chữ ký, chữ viết họ tên của bị đơn tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo kết luận giám định số 254/GĐ-PC54 ngày 23/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luật chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Thị T và Đỗ Hữu H trong "Giấy vay tiền" đề ngày 01/12/2016 là do một người ký và viết ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 135.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ bị đơn không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo biên bản xác minh ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, xác minh ông Nguyễn Cao N (Phó ban lãnh đạo ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương) thì hiện nay bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn còn sinh sống tại địa phương. Việc bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và quan điểm nội dung vụ án là có cơ sở.

[4] Về chi phí giám định và chi phí trích sao hồ sơ địa chính:

- Chi phí giám định là 2.950.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp xong. Do dó, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

- Chí phí trích sao hồ sơ địa chính là 120.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà Trần Mai C đối với bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H.

Buộc bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H liên đới thanh toán cho bà Trần Mai C số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Mai C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà T, ông H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Chi phí giám định: 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Trần Mai C đã nộp xong. Bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H thanh toán lại cho bà Trần Mai C 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Chi phí trích sao hồ sơ địa chính: 120.000 đồng (một trăm hai mươi ngàn đồng). Bà Trần Mai C tự nguyện chịu toàn bộ. Bà Trần Mai C đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T, ông Đỗ Hữu H phải chịu 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Trần Mai C số tiền 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004905 ngày 22 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam